

BÁO CÁO

Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Thực hiện Công văn số 3986/BKHĐT-TH ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tiếp tục cập nhật, hoàn chỉnh lại Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023⁽¹⁾ như sau:

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 trong điều kiện khó khăn và thách thức đều vượt ngoài dự báo, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến tất cả các quốc gia trên thế giới. Nền kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái nghiêm trọng. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Trung ương Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự điều hành linh hoạt của Ủy ban nhân dân tỉnh, cùng với đó là tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành, sự tin tưởng, đồng lòng, quyết tâm của cộng đồng doanh nghiệp và toàn dân, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản ổn định và đạt được những kết quả quan trọng trong nửa đầu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Lĩnh vực kinh tế

a. Tăng trưởng kinh tế: Tăng trưởng kinh tế của tỉnh hàng năm tương đối khá, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 8,14%/năm, ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 tăng 6,8%. Trong đó: Khu vực Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 5,65%; Khu vực Công nghiệp và Xây dựng tăng 10,88% (*trong đó, khu vực Công nghiệp tăng 12,65%*); Khu vực Dịch vụ tăng 5,31%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 2,48%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng⁽²⁾. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 43,2 triệu đồng năm 2020 lên 53,2 triệu đồng năm 2022, ước đạt 57,8 triệu đồng năm 2023.

b. Tài chính, tín dụng tiền tệ và Quản lý nợ địa phương

¹ Theo đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2664/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 4 năm 2023.

² Tỷ trọng các ngành Công nghiệp - xây dựng; tăng từ 26,38% năm 2020 lên 31,82% năm 2022; Thương mại - dịch vụ giảm từ 44,81% năm 2020 xuống 40,72% năm 2022; tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 19,75% năm 2020 xuống còn 19,19% năm 2022.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng dần qua các năm. Thu ngân sách năm 2022 đạt 4.050 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 16%/năm; ước thực hiện thu 6 tháng đầu năm 2023 khoảng 1.838 tỷ đồng⁽³⁾, đạt 40,8% dự toán và bằng 81,0% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách nhà nước năm 2022 đạt 8.523 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 12,5%/năm; ước thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023 khoảng 5.124 tỷ đồng, đạt 35,8% nhiệm vụ chi và bằng 124,2% so cùng kỳ năm trước. Công tác thu hồi nợ đọng thuế được chỉ đạo triển khai tích cực.

Công tác huy động vốn hằng năm được duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân giai đoạn 2021-2022 đạt 8,1%/năm, ước thực hiện năm 2023 đạt 22.000 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022. Trong đó nguồn vốn huy động từ tích lũy trong dân cư (*tiền gửi tiết kiệm của dân cư*) ngày càng tăng cao và có tốc độ tăng trưởng ổn định. Dự nợ tín dụng bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 11,7%/năm, ước thực hiện năm 2023, dự nợ cho vay đạt khoảng 47.000 tỷ đồng, tăng 10,9% so với năm 2022. Mặc dù, dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến tình trạng nợ xấu (*nhóm 3, 4, 5*) toàn địa bàn có xu hướng tăng trong các năm 2020, 2021 so với các thời điểm trước đó. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu luôn được kiểm soát dưới mức 2% tổng dư nợ⁽⁴⁾.

c. Đầu tư phát triển: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2022 đạt 41.797 tỷ đồng, ước thực hiện 6 tháng năm 2023 đạt 12.231 tỷ đồng. Bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 16,73%/năm, trong đó vốn đầu tư khu vực tư nhân chiếm khoảng 74% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong đó:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương được Trung ương giao là 6.245,5 tỷ đồng. Trên cơ sở tình hình thực tế, địa phương đã giao tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 9.600,3 tỷ đồng, trong đó: phân bổ chi tiết để thực hiện dự án là 8.838,6 tỷ đồng và dự phòng chưa phân bổ là 761,7 tỷ đồng⁽⁵⁾. Tổng kế hoạch

³ Số thu chưa đạt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Nguyên nhân là do một số chính sách thuế mới ảnh hưởng đến công tác thu NSNN 06 tháng đầu năm 2023, như sau: (1) Ngày 28 tháng 01 năm 2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 15/2022/NĐ-CP quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc Hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, theo đó, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% xuống còn 8%. (2) Ngày 30/12/2022, Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa XV thông qua Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu mỡ nhờn, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023, theo đó, mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng (trừ etanol) là 2.000 đ/lít, nhiên liệu bay, dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn là 1.000 đ/lít, dầu hỏa là 600đ/lít. Vì vậy, số thu từ thuế bảo vệ môi trường trong năm 2023 sẽ tiếp tục giảm; (3) Ngày 30 tháng 01 năm 2023, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 07/NQ-CP về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, theo đó giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp. Do đó, số thu tiền thuê đất trong năm 2023 sẽ giảm do bù trừ với số thuế nộp thừa trong năm 2022; (4) Ngày 14 tháng 4 năm 2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2023/NĐ-CP gia hạn thời gian nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, theo đó, số nộp thuế các tháng tiếp theo sẽ giảm và đến hạn nộp vào cuối năm. (5) Các tháng đầu năm 2023, các dự án khai thác quỹ đất, xử lý, sắp xếp các cơ sở nhà đất đang triển khai các bước công việc, hồ sơ, thủ tục theo quy trình trước khi tổ chức bán đấu giá theo quy định, do đó dự kiến trong tháng 6 số thu nộp ngân sách nhà nước thấp và dự kiến phát sinh vào các tháng cuối năm 2023.

⁴ Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng nợ xấu 292 tỷ, chiếm 0,85% tổng dư nợ toàn địa bàn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 tổng nợ xấu 414 tỷ, chiếm 1,08% và ngày 31 tháng 12 năm 2022 tổng nợ xấu 338 tỷ, chiếm 0,79%

⁵ Giảm hơn so với số vốn đã giao tại Nghị quyết số 36/NQ-HĐND là 164.316 triệu đồng do đã sử dụng để đầu tư một số công trình cấp bách phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất.

vốn ngân sách địa phương hằng năm đã cân đối, bố trí để thực hiện dự án (bao gồm cả nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh) là 4.705,3 tỷ đồng⁽⁶⁾, đạt 53,24% kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 địa phương đã phân bổ. Lũy kế giải ngân đến ngày 20 tháng 5 năm 2023 được 2.479,54 tỷ đồng, đạt khoảng 53,1% kế hoạch đã bố trí⁽⁷⁾.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn Trung ương giao là 6.327,03 tỷ đồng⁽⁸⁾. Tính đến hết kế hoạch năm 2022, lũy kế kế hoạch vốn từ các nguồn vốn ngân sách trung ương đã bố trí 2.473,63 tỷ đồng⁽⁹⁾. Thực hiện giải ngân kế hoạch năm 2021 và năm 2022 đạt 2.262,33 tỷ đồng, đạt 91,76% kế hoạch giao. Năm 2023, nguồn vốn ngân sách trung ương bố trí là 1.825,77 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước là 1.753,4 tỷ đồng và vốn nước ngoài là 72,37 triệu đồng). Thực hiện đến ngày 20 tháng 5 năm 2023, đã giải ngân được 350,95 tỷ đồng, đạt khoảng 19,22%.

Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: Địa phương đã giao tổng dự toán ngân sách trung ương năm 2022 và năm 2023 các chương trình mục tiêu quốc gia là 2.076,12 tỷ đồng⁽¹⁰⁾ (vốn đầu tư phát triển 1.347,57 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 728,55 tỷ đồng). Đến ngày 20 tháng 5 năm 2023, đã giải ngân được 574,79 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 488,95 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 85,84 tỷ đồng), đạt 27,69% kế hoạch năm 2022 và năm 2023, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2022 giải ngân được 459,943 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 378,93 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 81,02 tỷ đồng), đạt 51,19% kế hoạch; Kế hoạch vốn năm 2023 giải ngân được 459,94 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 114,84 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 4,82 tỷ đồng), đạt 9,75% kế hoạch.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Thời gian qua, công tác thu hút các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đã được tỉnh Kon Tum chú trọng thực hiện, triển khai nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng kế hoạch, chương trình để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thu hút đầu tư, hợp tác đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn 2021-2023, tỉnh Kon Tum đã cấp mới 01 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 3.500 tỷ đồng (tương đương khoảng 152,87 triệu USD).

d. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

Lĩnh vực nông nghiệp từng bước phát triển theo chiều sâu. Tổng diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân 2022-2023 là 10.491,6 ha, đạt 98,9% kế hoạch và bằng 97,7% so với cùng kỳ. Tổng diện tích cây trồng vụ mùa 2023 khoảng 177.578 ha. Các loại cây trồng chủ lực của tỉnh tiếp tục được chú trọng phát

⁶ Trong đó: kế hoạch năm 2021 là 1.046 tỷ đồng, kế hoạch năm 2022 là 1.447,6 tỷ đồng và kế hoạch năm 2023 là 2.211,7 tỷ đồng.

⁷ Cụ thể: tỷ lệ giải ngân năm 2021 đạt 94,4% kế hoạch; năm 2022 đạt 94,21% kế hoạch. Từ đầu năm đến 20 tháng 5 năm 2023 đạt 17,66% so với thực nguồn kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 địa phương đã giao.

⁸ Gồm: Vốn hỗ trợ theo ngành lĩnh vực là 5.340.420 triệu đồng; nguồn vốn Chương trình phục hồi Phát triển kinh tế - xã hội là 345.000 triệu đồng và nguồn vốn nước ngoài là 641.613 triệu đồng.

⁹ Trong đó: Vốn trong nước là 2.047.395 triệu đồng (bao gồm 108.290 triệu đồng nguồn Chương trình phục hồi Phát triển kinh tế - xã hội bổ sung trong năm 2022) và vốn nước ngoài là 426.232 triệu đồng.

¹⁰ Cụ thể: Dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 đã phân bổ là 898.432 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 672.411 triệu đồng và vốn sự nghiệp 226.021 triệu đồng), bằng 100% dự toán Trung ương giao; Dự toán ngân sách Trung ương năm 2023 đã phân bổ là 1.177.683 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển 675.155 triệu đồng, vốn sự nghiệp 502.528 triệu đồng), bằng 94,74% dự toán Trung ương giao.

triển, so với mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025: tổng diện tích cây cà phê khoảng 29.018 ha, đạt 116%; cao su khoảng 77.341 ha, đạt 110,5%; cây Mắc ca khoảng 3.363 ha, đạt 168,15%; cây ăn quả ước khoảng 10.695 ha, đạt 106,95%; Sâm Ngọc Linh khoảng 2.284 ha, đạt 50,76%; cây dược liệu khác khoảng 7.606 ha⁽¹¹⁾, đạt 76,06%. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2023 ước 120.061 tấn, đạt 108,69%. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được quan tâm triển khai, tổng số sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên là 188 sản phẩm, dự kiến đến cuối năm 2023 có 07 sản phẩm được công nhận đạt 5 sao cấp quốc gia, đạt 70%.

Việc dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện để xây dựng “cánh đồng lớn”, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ được chú trọng triển khai⁽¹²⁾. Quy mô đàn gia súc phát triển ổn định, tổng đàn gia súc ước 6 tháng năm 2023 đạt 269.355 con, đạt 97,14% kế hoạch, bằng 101,66% so với cùng kỳ. Đã thu hút được một số dự án chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi⁽¹³⁾, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại địa phương⁽¹⁴⁾, đặc biệt là vùng dự án, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Nuôi trồng, khai thác thủy sản tăng trưởng khá, sản lượng thủy sản bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 10,21%/năm, tổng sản lượng thủy sản ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 khoảng 3.295 tấn, đạt 39,51% kế hoạch, bằng 106,29% so với cùng kỳ.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng được triển khai quyết liệt. Các địa phương, chủ rừng đã thực hiện khoán bảo vệ rừng với tổng diện tích khoảng 264.393,48 lượt ha cho các cộng đồng, hộ gia đình. Thực hiện chuyển đổi rừng trồng nguyên liệu sang kinh doanh gỗ lớn, nâng cao giá trị rừng trồng thông qua hoạt động cấp chứng chỉ rừng (FSC), tập trung phát triển dược liệu dưới tán rừng, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn, cải thiện sinh kế người dân trong khu vực. Đến nay, tỷ lệ độ che phủ rừng của tỉnh 63,05%, đạt 98,52% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025.

Công tác xây dựng nông thôn mới đem lại kết quả tích cực. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ngày càng được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với người dân khu vực nông thôn. Đến nay, toàn tỉnh có 42 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, đạt 70% so với mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025,

¹¹ Bao gồm: Cây dược liệu lâu năm là 2.000 ha; cây dược liệu hàng năm 5.606 lượt ha (năm 2021 trồng: 1.215 ha; năm 2022 trồng: 2.166 ha; năm 2023 dự kiến trồng: 2.225 ha).

¹² Đến nay đã xây dựng 07 cánh đồng lớn với 4 loại cây trồng là cà phê, mía, ngô sinh khối, lúa nước theo mô hình liên kết sản xuất, thành lập và đưa vào hoạt động Khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Kon Plông, huyện Đắk Hà; hình thành 02 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nhận 02 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Kon Plông và Đắk Hà

¹³ Như: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Măng Đen; Công ty cổ phần Tập đoàn TH với dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa công nghệ cao; Tập đoàn Duyên Thịnh Phát đang đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi lợn thịt tại huyện Ia H'Drai với sản lượng dự kiến xuất ra thị trường trên 30.000 con lợn thịt/năm; các công ty chăn nuôi lớn như CP, CJ, Ma Vin; JasFa, Green Feed đã liên kết với các hộ dân để chăn nuôi lợn, gia cầm ...;

¹⁴ Công ty liên kết với hộ dân chăn nuôi thực hiện: Người dân có đất, xây dựng chuồng trại theo thiết kế của Công ty (chuồng trại, chuồng nuôi phải khép kín, có giàn lạnh, máng ăn, máng uống tự động, hệ thống làm thoáng khí cho chuồng nuôi, hệ thống xử lý chất thải, đảm bảo các yếu tố vệ sinh phòng bệnh chặt chẽ, vệ sinh môi trường và xa khu dân cư); Công ty cung cấp con giống, thức ăn, thuốc thú y, thuốc khử trùng tiêu độc và hỗ trợ kỹ thuật; đến khi xuất chuồng Công ty trả công nuôi cho người dân theo hợp đồng thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

tăng 14 xã so với năm 2020. Có 10 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; 19 thôn (*thuộc xã đặc biệt khó khăn, biên giới*) đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

Công nghiệp phát triển cả về quy mô và chất lượng, chỉ số phát triển công nghiệp giai đoạn 2021-2022 bình quân tăng 17,26%/năm, Chỉ số phát triển công nghiệp (IIP) 6 tháng năm 2023 ước tăng 12,5% so với cùng kỳ. Các ngành công nghiệp có lợi thế tiếp tục được chú trọng phát triển với sản lượng tăng dần qua các năm⁽¹⁵⁾. Công nghiệp chế biến có bước phát triển, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản với sự tham gia từ nhiều loại hình kinh tế⁽¹⁶⁾. Hiện tại, một số cơ sở chế biến cà phê đã ứng dụng có hiệu quả công nghệ cao trong quá trình sản xuất, một số sản phẩm đã từng bước thâm nhập và được đón nhận tại các thị trường lớn, có tiêu chuẩn cao như: Singapore, Bỉ, Thụy sĩ, Tây Ban Nha, Mê Hy Cô, Hàn Quốc,... Tiềm năng, thế mạnh về thủy điện, điện gió, điện năng lượng mặt trời được chú trọng phát triển và khai thác hiệu quả⁽¹⁷⁾.

Toàn tỉnh hiện có 03 khu công nghiệp và 01 Khu kinh tế⁽¹⁸⁾; hiện đã trình hồ sơ bổ sung Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu tập trung (200 ha) vào Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam. Có 14 Cụm công nghiệp được thành lập với tổng diện tích 472,675 ha; trong đó: có 08 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 275,075ha và 06 Cụm công nghiệp đã thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động. Đến nay, đã thu hút được 61 dự án của 52 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 1.323,5 tỷ đồng đầu tư tại khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y; 43 dự án của 39 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 1.415,8 tỷ đồng tại khu công nghiệp Hòa Bình và khu công nghiệp Sao Mai.

¹⁵ Điện sản xuất tăng từ 1.577 triệu Kwh năm 2020 lên 3.300 triệu Kwh năm 2022; Điện thương phẩm tăng từ 438 triệu Kwh năm 2020 lên 469 triệu Kwh năm 2022.

¹⁶ (1) Chế biến từ sản: Hiện có 8 nhà máy chế biến tinh bột sắn đã đi vào hoạt động với tổng công suất thiết kế các nhà máy chế biến tinh bột sắn trên địa bàn tỉnh trên 1.300 tấn tinh bột/ngày; 01 cơ sở chế biến cồn Ethanol có công suất 50 triệu lít/năm; (2) Chế biến cà phê: Sản xuất, chế biến cà phê nhân đã có bước phát triển mạnh với sự tham gia từ nhiều loại hình kinh tế, nhưng các cơ sở nhỏ lẻ chiếm đa số; phương thức chế biến vẫn theo truyền thống, chỉ có 02 doanh nghiệp đang đầu tư công nghệ chế biến ướt (Công ty Đầu tư Xuất nhập khẩu Cao Nguyên đang xây dựng công suất 200 tấn/năm ở Đắk Glei, 01 cơ sở ở Đắk Hà chế biến với sản lượng 30-40 tấn/năm). Sản xuất, chế biến cà phê bột, cà phê hòa tan có khoảng 40 cơ sở, trong đó có 03 cơ sở với quy mô vừa (Công ty Nguyên Huy Hùng, Công ty xuất nhập khẩu cà phê Đắk Hà, Hợp tác xã Sáu Nhung), 37 cơ sở nhỏ lẻ, hoặc quy mô hộ gia đình; (3) Hiện trên địa bàn tỉnh có 13 dự án chế biến mù cao su đã đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của các nhà máy đạt trên 90.000 tấn/năm, sản phẩm chủ yếu là sơ chế mù cao su khô dưới dạng mù tờ, mù cốm SVR10, SVR3L và RSS để xuất khẩu và dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, chất lượng sản phẩm không đồng đều vì vậy sản phẩm chưa có khả năng cạnh tranh cao; mới chỉ có 01 nhà máy của công ty TNHH Lợi Lợi chế biến sâu tại khu công nghiệp Hòa Bình (chế biến ra dây thun khoanh). Cao su thô và các sản phẩm từ cao su của tỉnh chủ yếu xuất khẩu sang Trung Quốc, dây thun khoanh xuất khẩu qua các nước Canada, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc.

¹⁷ Hiện nay có 29 dự án thủy điện hoàn thành phát điện có tổng công suất 343,0MW; 13 dự án đang thi công xây dựng có tổng công suất 183,70MW; 36 dự án đang lập dự án đầu tư xây dựng có tổng công suất 332,90 MW. Có 02 dự án Nhà máy điện gió đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung Quy hoạch điện VII điều chỉnh với tổng công suất 153,5 MW; 20 dự án điện gió với tổng công suất 1.463,1 MW đã hoàn thành công tác lập hồ sơ bổ sung quy hoạch; 26 cụm dự án điện gió tổng công suất 2.292,0MW đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực. Có 01 dự án điện mặt trời đã hoàn thành đóng điện (Dự án nhà máy điện mặt trời Sê San 4 với công suất 49MWp); 01 dự án đã được bổ sung quy hoạch, đang triển khai đầu tư (Dự án Nhà máy điện mặt trời nổi KN Ialy Kon Tum với công suất 200MWp); 17 dự án đã lập hồ sơ bổ sung quy hoạch phát triển điện lực; 02 dự án đang trong quá trình khảo sát, lập hồ sơ bổ sung quy hoạch: 800MWp.

¹⁸ Gồm: (1) Khu công nghiệp Hòa Bình, tỷ lệ lấp đầy 100% diện tích; (2) Khu công nghiệp Sao Mai: Dự án Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch KCN Sao Mai đang được triển khai (Hệ thống nước thải tập trung trong KCN được đầu tư, đã hoàn thành thi công 02 tuyến đường D1 và D2 và các hạng mục: San nền, giao thông, cấp điện và cấp nước trong Khu công nghiệp; Hoàn thành công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thi công xây lắp và lắp đặt thiết bị hạng mục: Hệ thống cấp nước (giai đoạn 1) của dự án); (3) Khu công nghiệp Đắk Tô: thực hiện thu hồi một phần diện tích đất đã cho Công ty CP Tập đoàn Tân Mai thuê và giao Ban Quản lý Khu kinh tế quản lý; (4) Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y (diện tích 70.438 ha, hiện đang đề xuất điều chỉnh giảm xuống còn 16.000 ha trong Quy hoạch tỉnh).

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ duy trì mức tăng trưởng ổn định, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 14,4%/năm, ước thực hiện 6 tháng năm 2023 đạt 16.998 tỷ đồng, đạt 54% kế hoạch và tăng 11,04% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu duy trì mức tăng trưởng ổn định⁽¹⁹⁾, bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 6,1%/năm, ước thực hiện 6 tháng năm 2023 đạt 160 triệu USD, bằng 55,2% kế hoạch và tăng 8,1% so với cùng kỳ. Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn được duy trì thực hiện. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và xử lý các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường⁽²⁰⁾.

Du lịch và các dịch vụ du lịch là ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhất do tác động của dịch Covid-19. Tuy nhiên, sau khi Chính phủ có chỉ đạo về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh Covid-19, tỉnh đã tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch nhằm phục hồi hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh. Ngành du lịch của tỉnh đã có nhiều khởi sắc và tăng trưởng mạnh mẽ, tổng lượng khách bình quân giai đoạn 2021-2022 tăng 106,46%/năm, ước thực hiện 6 tháng năm 2023 đạt trên 956 nghìn lượt khách, đạt 73,6% kế hoạch và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước; tổng doanh thu ước đạt 384 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch và tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước.

Công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được triển khai quyết liệt⁽²¹⁾. Chỉ số PCI của tỉnh Kon Tum năm 2022 đạt 64,89 điểm, xếp thứ 37/63 tỉnh, thành phố, tăng 24 bậc so với năm 2021⁽²²⁾, là thứ hạng cao nhất tỉnh đạt được kể từ năm 2006 đến nay. Điều này là minh chứng rõ nét nhất cho quyết tâm của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Công tác xúc tiến đầu tư được đổi mới⁽²³⁾. Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 5 năm 2023: Đã thu hút được 53 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 16.226,9 tỷ

¹⁹ Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là cao su thô, tinh bột sắn, cà phê nhân và cà phê hòa tan, dây thun khoan, bàn ghế gỗ các loại. Thị trường xuất khẩu chủ yếu là Trung Quốc, Hồng Kông, Singapore, Indonesia, Hàn Quốc, Ấn Độ, Colombia, Đài Loan, Hoa Kỳ...

²⁰ Trong 02 năm 2021 và 2022, đã kiểm tra, phát hiện 2.209 vụ/2.162 đối tượng, trong đó: Khởi tố: 35 vụ/33 đối tượng; xử lý vi phạm hành chính: 1.317 vụ; tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính: 29.260 triệu đồng.

²¹ Tỉnh ủy đã ban hành kịp thời Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Tỉnh ủy “*về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*”. Đã xây dựng và ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025, đồng thời, thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án thu hút đầu tư để phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu phát triển của tỉnh. Xây dựng và triển khai chính thức Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư tỉnh Kon Tum. Tăng cường đổi mới, áp dụng công nghệ thông tin trong công việc để giảm thời gian, tăng tính tiện lợi và hiệu quả trong giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp. Tổ chức các chương trình đối thoại doanh nghiệp, cà phê doanh nghiệp - doanh nhân nhằm tạo diễn đàn cởi mở để doanh nghiệp, doanh nhân “trái lòng”; giúp các cơ quan quản lý nhà nước kịp thời nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và thu hút đầu tư.

²² Trong đó: Có 6/10 chỉ số thành phần tăng điểm, gồm: (1) Gia nhập thị trường 6,37 điểm (tăng 0,21); (2) Chi phí không chính thức 7,21 điểm (tăng 1,41); (3) Cạnh tranh bình đẳng 6,44 điểm (tăng 0,79); (4) Tính năng động 6,46 điểm (tăng 0,04); (5) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp 6,16 điểm (tăng 0,23); (6) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự 7,21 điểm (tăng 1,62). **Trong đó**, một số chỉ số có thứ hạng đáng kể, như: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (xếp hạng 10), Cạnh tranh bình đẳng (xếp hạng 20), Chi phí không chính thức (xếp hạng 21), Tính minh bạch (xếp hạng 30)...

²³ Chủ động hướng dẫn Nhà đầu tư từ nhiệm vụ khảo sát, lập dự án đầu tư đến khi dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện các thủ tục cần thiết để đi vào hoạt động. Keests quả đã thu hút được một số nhà đầu tư lớn và tập đoàn có tiềm lực đã đến khảo sát và tìm hiểu cơ hội đầu tư tại tỉnh như: Tập đoàn Sun Group, Công ty Intracom; Liên danh Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt nam (Vinaconex) và Công ty Cổ phần Vimeco (Vimeco); Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam; Công ty TNHH Liên doanh Xúc tiến Đầu tư và Hợp tác quốc tế FDI; Công ty Cổ phần Charm Group; Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, Công ty cổ phần Tập đoàn Vị Tri Vàng...

đồng⁽²⁴⁾; ước 6 tháng đầu năm 2023 có 145 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 40,3% kế hoạch và bằng 70,1% so với cùng kỳ; dự kiến giai đoạn 2021-2023 có 985 doanh nghiệp thành lập mới, đạt 65,67% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025. Hoạt động hợp tác xã đã góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho thành viên và người lao động⁽²⁵⁾, tuy nhiên, hoạt động còn cầm chừng. Các dự án về phát triển đô thị được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đã và đang triển khai thực hiện⁽²⁶⁾.

d. Quản lý quy hoạch: Công tác lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2050 được triển khai tích cực⁽²⁷⁾. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung và lập mới các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành... được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, cụ thể: đã trình Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xây dựng Khu du lịch Măng Đen; điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Kon Tum; triển khai rà soát, điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung cấp huyện, thành phố; tổ chức lập quy hoạch xây dựng vùng huyện trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chung xây dựng xã; đã hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hiện đang tiếp tục hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh thời kỳ 2021-2025.

e. Phát triển kết cấu hạ tầng: Đã tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong toàn xã hội để đẩy mạnh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Hệ thống đường giao thông được tập trung đầu tư, nâng cấp, bảo đảm sự kết nối giữa các vùng trong tỉnh và giữa các tỉnh trong khu vực⁽²⁸⁾. Hiện nay đang tích cực triển khai một số công trình giao thông quan trọng trong việc kết nối vùng, giao thương kinh tế, văn hóa - xã hội⁽²⁹⁾.

²⁴ Trong đó, có 06 dự án đã hoàn thành với tổng vốn đăng ký 133,9; 12 dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng với tổng vốn đăng ký khoảng 1.970,5 tỷ đồng; 32 dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư với tổng vốn đăng ký 13.364,2 tỷ đồng; 03 dự án bị chậm dứt hoạt động với tổng vốn đăng ký 798,3 tỷ đồng.

²⁵ Trên địa bàn tỉnh hiện có 79 hợp tác xã thành lập mới, nâng tổng số hợp tác xã trên địa bàn tỉnh lên 232 hợp tác xã, thu hút 1.250 hội viên tham gia; có 225 tổ hợp tác và 2.390 thành viên tổ hợp tác.

²⁶ Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp; Chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai; Đường dẫn vào cầu số 01, số 03 qua sông Đăk Bla gần với chính trang đô thị; Đường Trường Chinh; Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu vực phía Nam sông Đăk Bla thuộc Đồ án quy hoạch chi tiết Khu trung tâm hành chính mới, dịch vụ thương mại và dân cư tỉnh Kon Tum; Dự án đầu tư chính trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu du lịch - đô thị sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thể thao tại xã Đăk Rơ Wa; Dự án khai thác quỹ đất, mở rộng không gian đô thị khu Trung tâm phường Ngô Mây; Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại Trung tâm thể dục thể thao; Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ 14C đoạn từ Trung tâm hành chính huyện Ia H'Drai đến ngã ba Quốc lộ 14C - Sê San 3, huyện Ia H'Drai; Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng tại Khu du lịch văn hóa lịch sử Ngục Kon Tum; ...

²⁷ Đến nay cơ bản đã hoàn thành và đã trình Hội đồng thẩm định quy hoạch (thành lập theo Quyết định số 708/QĐ-BKHĐT, ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

²⁸ Đến nay, toàn tỉnh có khoảng 6.180,63 km đường giao thông, tăng 98,63 km so với năm 2020, trong đó: 06 Quốc lộ dài 522,32 km, chiếm 8,45%; Đường tỉnh (23 tuyến) dài 563,19 km, chiếm 9%; Đường huyện dài 731,07 km, chiếm 11,82%; Đường xã, đường giao thông nông thôn khác dài 3.457,64 km, chiếm 55,94%; Đường đô thị dài 443,12 km, chiếm 7,16%; Đường chuyên dùng dài 28,29 km, chiếm 0,45 %; Đường Tuần tra biên giới dài 435 km, chiếm 7,03%. Tỷ lệ đường tốt chiếm 33,45%; tình trạng đường trung bình chiếm 34,46%; tình trạng đường xấu chiếm khá lớn 32,09%. Mật độ mạng lưới giao thông trên địa bàn tỉnh là 0,62 km/km², mật độ đường giao thông so với tổng dân số đạt 11,23 km/1000 dân.

²⁹ Như: Dự án Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu từ bến du lịch xã Ia Chim, thành phố Kon Tum (Tỉnh lộ 671) đến đường giao thông kết nối với Tỉnh lộ 675A xã Ya Ly huyện Sa Thầy; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 671 đoạn từ Km49+500 - Km52 (đường Đồng Nai), thành phố Kon Tum; Đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 676 nối huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum với các huyện Sơn Tây, Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi; Đường tránh phía Tây thành phố Kon Tum; Dự án đường Trường Chinh; Sửa chữa, nâng cấp đường ĐH 22, huyện Kon Rẫy; Cầu qua sông Đăk Bla tại thôn 12, xã Đăk Ruồng; Đường từ Trung tâm thị trấn Đăk Glei đến trung tâm xã Xốp; dự án Cầu 16/5 thị trấn Đăk Glei; Đường giao thông kết nối

Hạ tầng đô thị được chú trọng đầu tư và được cải thiện đáng kể, các vùng kinh tế được tập trung nguồn lực đầu tư và thành phố Kon Tum đã được công nhận đô thị loại II. Hiện trên địa bàn tỉnh có 08 đô thị đã được công nhận và phân loại⁽³⁰⁾. Ngoài ra còn có 03 trung tâm huyện⁽³¹⁾ đang đầu tư xây dựng để dần đảm bảo các tiêu chí đô thị loại V. Hệ thống đô thị cơ bản đảm bảo chất lượng phù hợp với loại đô thị và cấp quản lý hành chính đô thị, đến cuối năm 2022, tỷ lệ đô thị hóa đạt 38,26%. Công tác quản lý xây dựng, quản lý về vi phạm, lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, lập lại trật tự đô thị được chỉ đạo tăng cường thực hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về trật tự xây dựng, trật tự đô thị.

Hệ thống các công trình thủy lợi từng bước được đầu tư nâng cấp, sửa chữa, xây dựng hoàn thiện. Diện tích phục vụ tưới của các công trình thủy lợi đã tăng từ 21.577,41 ha năm 2021 lên 22.129,02 ha năm 2022, góp phần tích cực trong công cuộc thực hiện chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững trên địa bàn tỉnh⁽³²⁾. Bên cạnh đó, tỉnh cũng quan tâm đầu tư các công trình Kè chống sạt lở nhằm nâng cao năng lực phòng chống thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Hệ thống cấp nước tập trung ở đô thị và nông thôn được quan tâm triển khai thực hiện⁽³³⁾, ước đến cuối năm 2023, tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch đạt 92%, đạt 93,88% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025; tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 93%, đạt 97,89% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025.

Trên địa bàn tỉnh chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung⁽³⁴⁾ (trừ một số khu đô thị mới mới chỉ xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt riêng). Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt được thu gom và xử lý khoảng 86%, tăng 1% so với năm 2020. Trên địa bàn tỉnh có 09/10 huyện, thành phố có bãi xử lý chất thải rắn tập trung (riêng huyện Ia H'Drai đang đề xuất chủ trương xin đầu tư, xây dựng bãi rác). Bên cạnh đó, tỉnh cũng tăng cường kêu gọi, thu hút các nguồn vốn thực hiện việc xã hội hóa trong công tác xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh⁽³⁵⁾; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng lộ trình

Tỉnh lộ 676 tỉnh Kon Tum đi xã Trà Vinh, huyện Nam Trà My tỉnh Quảng Nam; Đường từ trung tâm huyện kết nối đường Đông Trường Sơn và các dự án quan trọng khác.

³⁰ Bao gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Kon Tum), 01 đô thị loại IV (thị trấn Plei Kần mở rộng thuộc huyện Ngọc Hồi); 06 đô thị loại V (Thị trấn Đăk Glei, huyện Đăk Glei; Thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô; Thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà; Thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy; Thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy; Thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông).

³¹ Bao gồm: khu vực Trung tâm huyện Tu Mơ Rông; khu vực Đăk Ruồng - Tân Lập thuộc huyện Kon Rẫy; khu vực trung tâm huyện Ia H'Drai

³² Trong đó, đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng 16 công trình Hồ chứa nước và hiện đang triển khai các công trình lớn như: Công trình Hồ chứa nước Đăk Pokei; Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống tưới Hồ chứa Đăk Car và Đập Đăk Sia II, huyện Sa Thầy; Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum; Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước (Đăk Chà Mòn I, Đăk Pret, Kon Tu, Đăk Loh); Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum (ADB9); Cụm hồ Đăk Rô Gia – Ia Tun.

³³ Hiện trên địa bàn tỉnh có 10 hệ thống cấp nước sạch tập trung tại 08 đô thị; có tổng số 315 công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn. Tỷ lệ dân cư đô thị được cung cấp nước sạch năm 2022 đạt 92,1%

³⁴ Toàn bộ nước thải sinh hoạt đi chung với hệ thống thu gom nước mưa và xả trực tiếp ra môi trường sông, suối trên địa bàn làm ảnh hưởng rất lớn đến cảnh quan môi trường đô thị, gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí.

³⁵ Gồm: Nhà máy xử lý rác thải của Công ty TNHH Song Nguyên Kon Tum trên địa bàn thành phố Kon Tum và Nhà máy xử lý rác Đăk Hà của Công ty TNHH Thương mại và Môi trường DH tại huyện Đăk Hà đã hoạt động

giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) *Giáo dục - đào tạo*: Hệ thống trường, lớp học, trang thiết bị dạy học được đầu tư, xây dựng⁽³⁶⁾ theo hướng đồng bộ và hiện đại. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia được chú trọng và đạt kết quả khả quan⁽³⁷⁾. Chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục vùng dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện và có nhiều chuyển biến tích cực; phổ cập giáo dục tiếp tục được giữ vững và nâng cao chất lượng. Công tác hướng nghiệp và phân luồng đào tạo sau tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông được chú trọng; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề chuyển biến theo chiều hướng tích cực⁽³⁸⁾. Công tác thu hút đầu tư trường dân lập, tư thục chất lượng cao được triển khai thực hiện; tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 23 cơ sở giáo dục ngoài công lập (đạt tỷ lệ 6,41%), tăng 15 cơ sở so với năm 2020.

Công tác phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng triển khai. Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” giai đoạn 2021-2025 được triển khai tích cực. Đội ngũ giảng viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực sáng tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Các cơ sở đào tạo, dạy nghề trên địa bàn được quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị; năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp từng bước được nâng lên, quy mô đào tạo nghề được mở rộng⁽³⁹⁾; chất lượng ngày càng được nâng cao, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội⁽⁴⁰⁾. Đã tích cực tạo việc làm thông qua chương trình việc làm cho lao động trên địa bàn tỉnh⁽⁴¹⁾.

b) *Dân số và y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân*: Quy mô dân số ước tính đến cuối năm 2023 đạt 590.276 người, đạt 95,21% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025. Mạng lưới y tế từng bước được đầu tư, nâng cấp, đảm bảo phục vụ công tác khám, chữa bệnh; thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế⁽⁴²⁾. Chất lượng khám chữa bệnh của các bệnh viện trên toàn tỉnh đã có bước

³⁶ Đã đầu tư xây mới 01 khu hiệu bộ, nâng cấp 01 nhà ăn+nhà bếp; sửa chữa: 126 phòng ở học sinh, 48 phòng học, 12 khu vệ sinh... với tổng kinh phí 29.998 triệu đồng; trang bị thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, lớp 2, lớp 6, thiết bị bán trú với kinh phí khoảng 79.476 triệu đồng; Sở Giáo dục và Đào tạo đã mua sắm 14.000 máy tính với kinh phí 30.909 triệu từ nguồn tài trợ của Chương trình “Sóng và máy tính cho em” để trang bị các học sinh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

³⁷ Đến nay, có 189 trường đạt chuẩn quốc gia; trong đó: 59 trường mầm non (đạt 44,4%); 67 trường tiểu học (đạt 73,6%); 50 trường trung học cơ sở (Đạt 45,5%) và 13 trường trung học phổ thông, phổ thông dân tộc nội trú (đạt 52%).

³⁸ Cụ thể: Năm học 2019-2020: tỉ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT vào học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 12,8%; năm học 2020-2021: tỉ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS và THPT vào học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 14,5%; năm học 2021-2022, số học sinh tốt nghiệp THCS, THPT chuyển sang học nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt 21,9%.

³⁹ Giai đoạn 2021-2023 đã đào tạo nghề cho 7.849 học viên, trong đó trình độ cao đẳng 434 sinh viên; trình độ trung cấp 906 học sinh; trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng 6.509 học viên. Tổ chức đào tạo cho 6.013 lao động nông thôn, trong đó nghề phi nông nghiệp 1.611 triệu đồng, nghề nông nghiệp 4.402 lao động.

⁴⁰ Tỷ lệ lao động qua đào tạo ước năm 2023 đạt 55,7% (tăng 3,7% so với năm 2020).

⁴¹ Số lao động được tạo việc làm là 13.456 lao động; trình độ tay nghề, áp dụng tiến bộ, khoa học của lao động được đào tạo nâng lên, nâng cao năng suất lao động, góp phần chung vào công tác giảm nghèo tại của tỉnh.

⁴² Đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh lên bệnh viện hạng I (750 giường bệnh); Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi (250 giường bệnh); Bệnh viện huyện Ia H'Drai (60 giường bệnh); Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng (165 giường bệnh); Bệnh viện tâm thần quy mô 100 giường bệnh; phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập chất lượng cao (có 204 cơ sở hành nghề y, y học cổ truyền ngoài công lập; trong đó có 02 phòng khám đa khoa (Phòng khám Đa khoa Hà Nội – Kon

cải thiện rõ rệt; tinh thần, thái độ, chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế ngày một tốt hơn, góp phần làm tăng niềm tin và sự hài lòng của người dân⁽⁴³⁾. Công tác phòng, chống dịch bệnh được chú trọng thực hiện, nhìn chung tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được khống chế nhanh và hiệu quả, ít có dịch lớn xảy ra⁽⁴⁴⁾. Hoạt động tiêm chủng được duy trì thường xuyên⁽⁴⁵⁾. Công tác kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm thực hiện kịp thời, đúng quy định của pháp luật⁽⁴⁶⁾. Từ năm 2021 đến quý I năm 2023, có 02 vụ ngộ độc thực phẩm với 06 người mắc, trong đó có 01 người tử vong.

c) *Văn hóa - thể thao*: Công tác bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ được chú trọng. Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được đầu tư xây dựng, nâng cấp, cơ bản bảo đảm phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu thường thức, sáng tạo văn hóa, văn nghệ của Nhân dân⁽⁴⁷⁾. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” duy trì thực hiện với nhiều hoạt động thiết thực. Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục có những chuyển biến tích cực⁽⁴⁸⁾; các môn thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp được quan tâm phát triển⁽⁴⁹⁾.

d) *Thông tin truyền thông*: Chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông được nâng cao; phát thanh, truyền hình ngày càng đa dạng về loại hình và phong

Tum và Phòng khám Đa khoa tiêm chủng Hạnh Tâm), 01 bệnh viện đa khoa tư nhân quy mô 186 giường bệnh đi vào hoạt động từ tháng 01/2021 (Bệnh viện Đa khoa Vạn Gia An); thu hút đầu tư 01 bệnh viện chuyên khoa (Bệnh viện Mắt quy mô 10 giường bệnh); thực hiện hợp tác, liên kết khám, chữa bệnh với các bệnh viện có chất lượng cao trong nước (Bệnh viện Bình Dân Thành phố Hồ Chí Minh; Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh; Viện nghiên cứu các bệnh tiêu hóa Quốc gia; Bệnh viện Chợ Rẫy).

⁴³ Năm 2022, tỷ lệ hài lòng chung của người dân đối với các dịch vụ y tế công đạt 88,6%, tỷ lệ người dân hài lòng đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ngoại đạt 93,1% và đối với dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh nội trú đạt 90,01%.

⁴⁴ Lũy tích đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, bệnh lý trực trùng ghi nhận số mắc/tử vong 494/0 giảm 267 ca so với cùng kỳ năm 2021 (761/0); bệnh lý Amibe ghi nhận số mắc/tử vong 50/0 giảm 11 ca so với cùng kỳ năm 2021 (61/0); bệnh tiêu chảy ghi nhận số mắc/tử vong 12.632/0 giảm 1.403 ca so với cùng kỳ năm 2021 (13.620/0); bệnh thủy đậu ghi nhận số mắc/tử vong 150/0 giảm 153 ca so với cùng kỳ năm 2021 (303/0); bệnh quai bị ghi nhận số mắc/tử vong 38/0 giảm 26 ca so với cùng kỳ năm 2021 (64/0); bệnh sốt rét ghi nhận số mắc/tử vong 05/0 ngang bằng ca so với cùng kỳ năm 2021 (05/0).

⁴⁵ Hiện 100% xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh với tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm đạt tỷ lệ cao (năm 2021 đạt 97,3%; năm 2022 đạt 96,5%); tiến độ tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho các đối tượng theo quy định, đã đạt và vượt mục tiêu Trung ương đề ra (Đến thời điểm báo cáo, kết quả tiêm như sau: (1) Nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên: Tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 99,59%; tỷ lệ tiêm mũi 2 đạt 98,62% (mục tiêu $\geq 90\%$); tỷ lệ tiêm liều bổ sung đạt 96,68% (mục tiêu $\geq 90\%$); tỷ lệ tiêm liều nhắc lại lần 1 đạt 92,42%; tỷ lệ tiêm liều nhắc lại lần 2 đạt 100%. (2) Nhóm đối tượng từ 12 đến 17 tuổi: tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 99,89%; tỷ lệ tiêm mũi 2 đạt 97,23% (mục tiêu $\geq 90\%$); tỷ lệ tiêm liều nhắc lại đạt 94,02% (mục tiêu $\geq 70\%$). (3) Nhóm đối tượng từ 5 đến dưới 12 tuổi: tỷ lệ tiêm mũi 1 đạt 100% (mục tiêu $\geq 80\%$); tỷ lệ tiêm mũi 2 đạt 97,28% (mục tiêu $\geq 80\%$). Tỷ lệ tiêm đủ liều vắc xin cơ bản trên tổng dân số: 82,97%).

⁴⁶ Từ năm 2021 đến quý I năm 2023: Tuyến tỉnh kiểm tra 1.494 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm là 1.467, tỷ lệ 98,2% (số cơ sở được kiểm tra gấp 4 lần so với số cơ sở được kiểm tra năm 2020); phạt tiền 11 cơ sở với tổng số tiền là 19.175.000 đồng (giảm 01 cơ sở so với năm 2020), tiêu hủy sản phẩm thực phẩm tại 02 cơ sở với 02 loại sản phẩm gồm 0,5 kg thực phẩm rắn và 0,15 lít thực phẩm lỏng; kiểm nghiệm bằng test nhanh với 485 test, kết quả đều âm tính; gửi cơ sở kiểm nghiệm 09 mẫu, kết quả 09 mẫu đều đạt. Tuyến huyện kiểm tra 7.846 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm là 6.742, tỷ lệ 86% (số cơ sở được kiểm tra gấp 2,2 lần so với số cơ sở được kiểm tra năm 2020); xử phạt vi phạm hành chính 79 cơ sở với số tiền là 45.200.000 đồng (số cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính gấp 1,6 lần so với năm 2020); tiêu hủy sản phẩm thực phẩm tại 220 cơ sở với 197 loại sản phẩm gồm 471,855 kg thực phẩm rắn và 962,68 lít thực phẩm lỏng; các hình thức vi phạm chủ yếu; kiểm nghiệm bằng test nhanh 573 test.

⁴⁷ Tính đến cuối năm 2023, tỷ lệ xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa là 58%, đạt 96,67% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025; tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa 95%, đạt 105,56% mục tiêu Nghị quyết đến năm 2025.

⁴⁸ Ước đến cuối năm 2023 tỷ lệ hộ dân tập thể dục thường xuyên đạt 32,5%, đạt 81,25% mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 24%, đạt 88,89% mục tiêu Nghị quyết.

⁴⁹ Đã tuyển chọn được 24 vận động viên thể thao các môn: Điền kinh, Karate, Taekwondo và Võ thuật cổ truyền hình thành tuyển đội tuyển tỉnh; Có hơn 100 vận động viên năng khiếu được huấn luyện tại các cơ sở, phòng tập Thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Chuyển giao đội tuyển bóng đá tỉnh cho doanh nghiệp đầu tư phát triển theo hướng chuyên nghiệp.

phủ nội dung, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân⁽⁵⁰⁾. Hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của tỉnh được nâng cấp đáp ứng nhu cầu phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo điều hành được an toàn, thông suốt⁽⁵¹⁾; công tác đảm bảo an ninh mạng và bảo mật thông tin được chú trọng⁽⁵²⁾. Chương trình chuyển đổi số tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được các cấp, các ngành triển khai tích cực.

đ) Lao động, việc làm, đời sống Nhân dân và các vấn đề xã hội: Năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp từng bước được nâng lên, quy mô đào tạo nghề được mở rộng⁽⁵³⁾. Tỷ lệ lao động qua đào tạo ngày càng tăng⁽⁵⁴⁾, chất lượng ngày được nâng cao từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua các chương trình đã giải quyết việc làm cho 13.456 lao động trên địa bàn tỉnh⁽⁵⁵⁾.

Công tác giảm nghèo được chỉ đạo triển khai quyết liệt, có sự chuyển biến rõ rệt⁽⁵⁶⁾. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3-4%/năm, đạt mục tiêu Nghị quyết (*giảm bình quân 3-4%/năm*). Các chính sách an sinh xã hội đối với người cao tuổi, người nghèo, người có công với cách mạng, các đối tượng chính sách được chi trả đầy đủ, kịp thời⁽⁵⁷⁾. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em được quan tâm thực

⁵⁰ Truyền hình thu trực tiếp từ vệ tinh (DTH), truyền hình CAB, truyền hình qua mạng viễn thông do các doanh nghiệp viễn thông cung cấp (MyTV, NetTV); phủ sóng truyền hình mặt đất chương trình của tỉnh được khoảng hơn 30% diện tích địa bàn, phủ sóng phát thanh mặt đất được khoảng hơn 90% diện tích địa bàn; duy tốt chương trình thời sự hàng ngày, chương trình phát thanh-truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số Ba Na, Xơ Đăng, Jê - Triêng, chất lượng và nội dung chương trình có bước được cải tiến, nâng cao.

⁵¹ 100% cơ quan, địa phương được đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; 100% cán bộ, công chức có máy tính kết nối Internet phục vụ công tác chuyên môn. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước của toàn tỉnh hoàn toàn dưới dạng điện tử đạt 97% thông qua phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice), kết nối liên thông vào Trục liên thông văn bản quốc gia; 100% hồ sơ công việc của cấp tỉnh, huyện, xã được xử lý trên môi trường mạng (hồ sơ được tiếp nhận, lưu chuyển, xử lý dưới dạng hoàn toàn điện tử qua Cổng Dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử). 100% Dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4.

⁵² Toàn tỉnh có khoảng 35 hệ thống thông tin (trong đó đã phê duyệt: 20 hệ thống thông tin cấp độ 2, 02 hệ thống thông tin cấp độ 3). Trong năm 2022, Hệ thống giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC) đã ghi nhận, cảnh báo và thực hiện xử lý 17 cuộc tấn công mạng vào các hệ thống thông tin của tỉnh.

⁵³ Giai đoạn 2021-2023 đã đào tạo nghề cho 7.849 học viên, trong đó trình độ cao đẳng 434 sinh viên; trình độ trung cấp 906 học sinh; trình độ sơ cấp, dưới 3 tháng 6.509 học viên. Tổ chức đào tạo cho 6.013 lao động nông thôn, trong đó nghề phi nông nghiệp 1.611 triệu đồng, nghề nông nghiệp 4.402 lao động.

⁵⁴ Ước năm 2023 đạt 55,7% (tăng 3,7% so với năm 2020).

⁵⁵ Trong đó: Chương trình cho vay giải quyết việc làm là 6.456 người; giới thiệu thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh là 1.374 người, lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là 129 người; giải quyết việc làm thông qua các chương trình khác là người 5.497.

⁵⁶ Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 giảm từ 10,29% (năm 2020) xuống còn 6,32% (năm 2021). Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 chiếm 10,86% (*giảm 4,46% so với năm 2021*).

⁵⁷ Chỉ trả chính sách trợ giúp xã hội kịp thời cho đối tượng hưởng chính sách tại cộng đồng và đối tượng bảo trợ xã hội đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập nhân dịp Tết Nguyên đán với kinh phí 53 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ 527,115 tấn gạo dự trữ cho nhân dân có nguy cơ thiếu, đối dịp Tết Nguyên đán và giáp hạt đầu các năm 2021 (91,350 tấn gạo), năm 2022 (254,25 tấn gạo), năm 2023 (181,515 tấn gạo). Thực hiện thăm hỏi và chúc thọ, chúc mừng thọ cho các cụ tròn 100 tuổi, tròn 90 tuổi; tròn 70, 75, 80, 85, 95 và trên 100 tuổi từ năm 2021 đến năm 2023 với số lượng 8.659 người, kinh phí 4.384,475 triệu đồng (*Trong đó: Năm 2021 có 2.793 người, kinh phí 1.351,70 triệu đồng; năm 2022 có 4.193 người, kinh phí 1.898,875 triệu đồng; năm 2023 có 1.673 người, kinh phí 1.1533,9 triệu đồng*). Phối hợp Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Lắk ký kết hợp đồng chăm sóc và nuôi dưỡng cho 30 người tâm thần của tỉnh mỗi năm. Phối hợp với Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Quy Nhơn, các đơn vị liên quan tổ chức khám sàng lọc từ năm 2021 – 2023 cho 289 người khuyết tật vận động; trong đó có 66 người được chỉ định phẫu thuật và làm dụng cụ phục hồi chức năng miễn phí. Đã thực hiện chi trả cho 5.272 người có công và thân nhân; tặng 53.067 suất quà cho người có công với kinh phí khoảng 15.973 triệu đồng; hỗ trợ 56 nhà ở cho người có công; tổ chức điều dưỡng cho 6.344 người (điều dưỡng tại nhà 5.314 người; điều dưỡng tập trung trong tỉnh 218 người, điều dưỡng tập trung ngoài tỉnh 382 người); có 02 Mẹ Việt Nam anh hùng và 10 hộ người có công có hoàn cảnh khó khăn đã được các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng suốt đời.

hiện⁽⁵⁸⁾. Công tác bình đẳng giới duy trì thực hiện đảm bảo sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo. Công tác thanh niên được quan tâm triển khai trên nhiều mặt với nhiều nghĩa cử cao đẹp như: Tổ chức hiến máu nhân đạo, thanh niên tình nguyện, thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới,...

Các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tổ chức thực hiện tốt. Việc giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất ở đạt 98,17%, đạt 98,17% mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số có đất sản xuất đạt 97,89%, đạt 97,89 mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số tham gia vào hợp tác xã đạt 17,3%, đạt 86,5% mục tiêu Nghị quyết.

g) *Khoa học công nghệ*: Hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống đã có chuyển biến tích cực⁽⁵⁹⁾, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Thực hiện đăng ký, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm đặc thù, sản phẩm chủ lực của tỉnh⁽⁶⁰⁾. Các đề tài, nghiên cứu khoa học tiếp tục được triển khai nghiên cứu, ứng dụng.

3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng thực hiện⁽⁶¹⁾. Các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ sạch hoặc có thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Công tác tổ chức vận động, tuyên truyền về bảo vệ môi trường, các hoạt động hưởng ứng bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân được nâng lên... Đến nay, tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 84,6%, tăng 2,1% so với năm 2020; tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 66,7%, tăng 9,6% so với năm 2020.

Quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản được thực hiện đảm bảo⁽⁶²⁾. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực

⁵⁸ Đến nay có 51 xã, phường, thị trấn được công nhận đạt tiêu chuẩn xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em, chiếm tỷ lệ 50%. Các mô hình, hệ thống, trung tâm bảo vệ trẻ em thực hiện có hiệu quả. Duy trì hoạt động của 42/102 xã có hệ thống bảo vệ trẻ em tại cộng đồng; 21 mô hình Câu lạc bộ Quyền tham gia của trẻ em; Hội đồng tư vấn công tác xã hội cấp tỉnh hoạt động hiệu quả; Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh cung cấp dịch vụ xã hội kết nối tham vấn cho trẻ em.

⁵⁹ Đã tập trung nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, bảo quản và chế biến các sản phẩm chủ lực của tỉnh, như: nghiên cứu quy trình bảo quản sâm Ngọc Linh; xây dựng vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GACP và chế biến sản phẩm từ Đảng sâm, khô qua đạt tiêu chuẩn ISO 22.000; ứng dụng quy trình công nghệ chiết xuất dịch từ đông trùng hạ thảo, Đảng sâm, chiết xuất cao từ Đương quy; trồng và sơ chế sản phẩm Gấc. Triển khai ứng dụng quy trình công nghệ chế biến cao và trà ô long từ sâm Ngọc Linh; sản xuất nước giải khát đảng sâm đóng lon và cao đảng sâm... Đã tiến hành nghiên cứu, hoàn thiện quy trình chiết xuất dịch chiết từ đảng sâm, nấm đông trùng hạ thảo và đề xuất các sản phẩm ứng dụng trong chế biến (trà hòa tan, nước uống giải khát từ Đảng sâm, Đông trùng hạ thảo). Triển khai nghiên cứu, nuôi thử nghiệm một số đối tượng có giá trị kinh tế cao như: cá Niên, cá Hồ, cá sọc dưa, tôm càng xanh, cá trắm đen..., trong đó một số đề tài kết thúc, nghiệm thu đã được chuyển giao ứng dụng vào thực tiễn sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao.

⁶⁰ Giai đoạn 2020-2022 đã đăng ký và được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ Nhân hiệu chứng nhận “Gạo thơm Đăk Hà”; “Dệt Thổ cẩm Kon Tum”. Đang tiến hành đăng ký bảo hộ Nhân hiệu chứng nhận “Yến sào Kon Tum”; “Cá Niên Măng Đen - Kon Plông”.

⁶¹ Đã phê duyệt 449 báo cáo đánh giá tác động môi trường và 07 giấy phép môi trường.

⁶² Từ đầu năm 2021 đến nay, đã tổ chức đấu giá thành công 18 điểm mỏ khoáng sản; cấp phép 50 hồ sơ hoạt động khoáng sản; cấp tổng số 21 giấy phép tài nguyên nước.

hiện công bố công khai theo đúng kế hoạch⁽⁶³⁾. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kịp thời⁽⁶⁴⁾. Bên cạnh đó, đã xây dựng và đưa vào quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại 02 đơn vị cấp huyện (*thành phố Kon Tum và huyện Đắk Tô*).

Công tác khắc phục các công trình thủy lợi, hệ thống kênh mương, giao thông nông thôn, cấp nước sinh hoạt bị hư hỏng do mưa lũ gây ra được chỉ đạo tích cực. Ban hành Kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đồng thời chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị cần thiết để thực hiện công tác phòng chống thiên tai có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản cho người dân. Đã đầu tư và đưa vào vận hành 20 trạm đo mưa tự động trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai (*hệ thống Vrain*).

4. Về công tác nội vụ; quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Công tác cải cách hành chính được chỉ đạo thực hiện quyết liệt⁽⁶⁵⁾. Thực hiện rà soát, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp⁽⁶⁶⁾. Đồng thời, đẩy mạnh việc cung cấp, sử dụng Dịch vụ công trực tuyến phục vụ tổ chức, cá nhân giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn⁽⁶⁷⁾. Công tác tư pháp và cải cách tư pháp được đẩy mạnh thực hiện, việc xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nghiêm túc, kịp thời xử lý hoặc kiến nghị xử lý các văn bản trái pháp luật⁽⁶⁸⁾. Đến năm 2022, thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đứng thứ 55, tăng 4 bậc so với năm 2021; thứ hạng Chỉ hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) đứng thứ 42, tăng 2 bậc so với năm 2021; thứ hạng Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) đứng thứ 54, bằng năm 2021.

Công tác sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP được triển khai tích cực⁽⁶⁹⁾. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ⁽⁷⁰⁾. Công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán

⁶³ Từ đầu năm 2021 đến nay, đã xử lý 148 hồ sơ giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất. Trong đó: Giao đất không thu tiền sử dụng đất có 43 hồ sơ/323,06 ha; Giao về địa phương quản lý có 28 hồ sơ/485,79 ha; Cho thuê đất trả tiền hàng năm có 55 hồ sơ/317,15 ha; Thu hồi đất để thực hiện dự án có 14 hồ sơ/83,61 ha.; 08 hồ sơ gia hạn sử dụng đất với diện tích 37.47ha.

⁶⁴ Đã cấp được 374.405 giấy/ 828.474,09 ha/ 919.582,96 ha diện tích đất cần cấp (đạt 90,9%). Trong đó, Đất nông nghiệp: 238.821giấy/798.973,13 ha/882.071,13 ha diện tích cần cấp giấy (đạt 90,5 %); Đất phi nông nghiệp: 135.584 giấy/29.500,96 ha/37.511,83 ha diện tích cần cấp (đạt 78,6%).

⁶⁵ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành và chỉ đạo thực hiện quyết liệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch cải cách hành chính hằng năm; thành lập Ban chỉ đạo về Cải cách hành chính tỉnh Kon Tum do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban; thực hiện kiểm tra định kỳ đảm bảo tối thiểu 30% các cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm theo tiêu chí của Bộ Nội vụ giao.

⁶⁶ Tổng số thủ tục hành chính (TTHC) trên địa bàn toàn tỉnh hiện nay là 1.752 TTHC (trong đó: cấp tỉnh: 1.412 TTHC, cấp huyện: 215 TTHC; cấp xã: 100 TTHC, chung 03 cấp: 25 TTHC).

⁶⁷ Đến nay, đã cung cấp 1.170 dịch vụ công toàn trình, 169 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia 1.283/1.750 TTHC của tỉnh (đạt 73,31%).

⁶⁸ Từ đầu năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã ban hành 172 văn bản QPPL; đã tiến hành kiểm tra 129 văn bản, phát hiện 03 văn bản trái pháp luật và đã tiến hành xử lý theo quy định.

⁶⁹ Sau khi tổ chức lại đã giảm được 38 đơn vị thuộc và trực thuộc các Sở, giảm 56 phòng chuyên môn và tương đương bên trong các Chi cục và tương đương trực thuộc Sở; giảm 25 cấp trưởng, 09 cấp phó phòng thuộc các cơ quan cấp tỉnh; giảm 07 cấp trưởng, 16 cấp phó của Chi cục và tương đương; giảm 40 cấp trưởng, 30 cấp phó phòng thuộc chi cục và tương đương.

⁷⁰ Sau khi sắp xếp, tổ chức lại, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thuộc phạm vi quản lý là 440 đơn vị, giảm 09 đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021.

bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng được chú trọng⁽⁷¹⁾. Thực hiện tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu, yêu cầu gắn với cải cách chế độ công vụ, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức⁽⁷²⁾.

Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, ngành quan tâm thực hiện, tỷ lệ đơn được giải quyết đạt 98,64%. Hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện đúng kế hoạch. Từ đầu năm 2021 đến nay, đã kết thúc 401 cuộc thanh tra, kiểm tra. Qua thanh tra phát hiện sai phạm trên 44 tỷ đồng và 4.190 ha đất⁽⁷³⁾ và kiến nghị tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến sai phạm. Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương được thực hiện nghiêm túc⁽⁷⁴⁾.

Quốc phòng, an ninh được giữ vững, ổn định. Công tác diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện được triển khai đúng kế hoạch, đạt chất lượng cao⁽⁷⁵⁾. Công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt kết quả tốt; bồi dưỡng giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được đẩy mạnh. Chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang tỉnh ngày càng được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, công tác đấu tranh ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm được chỉ đạo thực hiện quyết liệt⁽⁷⁶⁾. Tà đạo Hà mòn trên địa bàn tỉnh đã được giải quyết, không còn đối tượng tin theo. Công tác đảm bảo an toàn giao thông và phòng cháy, chữa cháy được chỉ đạo nghiêm túc và thường xuyên⁽⁷⁷⁾.

Quan hệ hợp tác, toàn diện với các tỉnh giáp biên của Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào và Vương Quốc Campuchia tiếp tục tăng cường⁽⁷⁸⁾; thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác, địa phương của Cu Ba, Nhật Bản, Pháp, Ấn Độ... Công tác phân giới, cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam- Campuchia được

⁷¹ Trong 02 năm 2021 và 2022 đã tổ chức triển khai đào tạo bồi dưỡng cho 12.684 lượt người.

⁷² Đã thực hiện tinh giản biên chế 195 người (Năm 2021 là 138 người (17 công chức, 108 viên chức, 06 CBCC cấp xã, 05 người khối Đảng, đoàn thể và 02 người thuộc tổ chức hội) và năm 2022 là 57 người (06 công chức, 47 viên chức, 02 CBCC cấp xã, 02 người khối Đảng, đoàn thể)).

⁷³ Đã kiến nghị thu hồi nợ ngân sách nhà nước trên 21,1 tỷ đồng, thu hồi về đơn vị gần 1,2 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi 168 ha đất, kiến nghị xử lý khác về tiền gần 21,5 tỷ đồng, truy thu thuế trên 0,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó, xử phạt vi phạm hành chính trên 0,6 tỷ đồng.

⁷⁴ Đến nay, cơ quan chức năng đã phát hiện 16 vụ việc có liên quan đến hành vi tham nhũng, đã xét xử 07 vụ án với 08 bị cáo; đang khởi tố 04 vụ án với 09 bị can; tạm đình chỉ giải quyết 01 vụ án; đang điều tra 04 vụ án; xử lý 03 trường hợp là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng.

⁷⁵ Tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ kết hợp phòng thủ dân sự tỉnh năm 2022 đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, vũ khí, thiết bị và cơ sở vật chất. Được Quân khu 5 đánh giá cuộc diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh Kon Tum hoàn thành xuất sắc, là cơ sở góp phần xây dựng tỉnh và các huyện, thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết 28 của Bộ Chính trị.

⁷⁶ Tỷ lệ giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đạt trên 90%, đạt 100% mục tiêu Nghị quyết; tỷ lệ xã, phường, thị trấn mạnh về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt trên 75%, đạt 93,75% mục tiêu Nghị quyết

⁷⁷ Từ đầu năm 2021 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 167 vụ tai nạn giao thông, làm chết 176 người, bị thương 113 người; xảy ra 38 vụ cháy, làm chết 04 người, 02 người bị thương, thiệt hại về tài sản khoảng 06 tỷ đồng và 27.499 ha rừng

⁷⁸ Triển khai các Biên bản ghi nhớ về hợp tác đã được ký kết giữa tỉnh Kon Tum với 04 tỉnh Nam Lào và 02 tỉnh Đông Bắc Campuchia. Trong năm 2022, thông qua các Hội nghị song phương giữa tỉnh Kon Tum với các tỉnh Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã ký kết các Biên bản ghi nhớ về hợp tác giai đoạn 2022 - 2027 với chính quyền của tỉnh Attapư, Sê Kông, Salavan (Lào) và tỉnh Stung Treng (Campuchia). Đối với 02 tỉnh còn lại là tỉnh Chăm-pasắc (Lào) và tỉnh Ratanakiri (Campuchia), đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết và trao đổi, thống nhất với phía bạn về thời gian, thành phần sang thăm tỉnh Kon Tum để ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác với tỉnh trong thời gian tới.

triển khai đảm bảo đúng tiến độ⁽⁷⁹⁾. Công tác quản lý đoàn ra và đoàn vào⁽⁸⁰⁾, các dự án vốn viện trợ nước ngoài trên địa bàn tỉnh đúng quy định⁽⁸¹⁾.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm: Qua hơn 02 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục ổn định và đạt được nhiều kết quả quan trọng trên hầu hết các lĩnh vực. Một số chỉ tiêu đến thời điểm hiện tại đã đạt và vượt kế hoạch, một số chỉ tiêu xấp xỉ đạt kế hoạch giai đoạn 2021-2025 như: Thu ngân sách nhà nước; kim ngạch xuất nhập khẩu; số hợp tác xã thành lập mới, diện tích các loại cây trồng chủ lực, tỷ lệ lao động qua đào tạo; độ che phủ rừng; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện; các chỉ tiêu về môi trường... Bên cạnh đó, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện đáng kể; các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và giảm nghèo được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp; cơ sở vật chất giáo dục được quan tâm, đầu tư; tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, kiểm soát tốt; chất lượng khám, chữa bệnh được cải thiện; cải cách thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến tích cực; công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp được triển khai quyết liệt; kỷ luật, kỷ cương hành chính được chú trọng; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Những hạn chế, yếu kém:

Một số chỉ tiêu chưa đạt tiến độ: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn; sản lượng của một số ngành công nghiệp; dân số trung bình; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề; tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm thất nghiệp so với lực lượng lao động; số bác sỹ/10.000 dân; tỷ lệ hộ gia đình ở đô thị sử dụng nước sạch.

Tiến độ triển khai các dự án thu hút đầu tư còn chậm; chưa thu hút được nhà máy chế biến nông, lâm sản. Tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp mặc dù có giảm nhưng vẫn còn xảy ra; công tác quản lý đất đai còn bộc lộ nhiều yếu kém, thiếu sót, gây bức xúc trong dư luận.

Nông nghiệp chưa phát huy được yếu tố lợi thế và gắn với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ; việc hình thành các vùng sản xuất tập trung để tạo vùng nguyên liệu lớn đối với một số loại cây ăn quả, dược liệu chưa nhiều; hàng

⁷⁹ Công tác phân giới cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Lào đoạn qua tỉnh Kon Tum đã hoàn thành công tác tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới trên thực địa với 65 vị trí tương ứng với 81 cột mốc; ký hoàn thành 81/81 bộ hồ sơ cột mốc gửi về Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao quản lý. Tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia: đã xây dựng hoàn thành 159/160 cột mốc và hoàn tất hồ sơ mô tả hướng đi của đường biên giới, được Nhóm chuyên gia kỹ thuật liên hợp phân giới, cắm mốc của hai nước nghiệm thu và nộp về Ủy ban Biên giới quốc gia - Bộ Ngoại giao quản lý.

⁸⁰ Đoàn ra: có 49 đoàn/398 lượt cán bộ, công chức đi công tác nước ngoài. Đoàn vào: Tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đón, tiếp và cho phép làm việc với 92 đoàn/800 lượt người đến thăm hữu nghị, chúc tết cổ truyền tìm hiểu cơ hội hợp tác, đầu tư, phối hợp triển khai các biên bản ghi nhớ, dự án NGO, ODA.

⁸¹ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 về Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Từ 2021 đến nay, đã có 13 tổ chức phi chính phủ và tổ chức nước ngoài viện trợ 6,9 triệu USD tương đương 140.050 triệu VNĐ thông qua 19 chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Các khoản viện trợ được triển khai đã hỗ trợ hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, dạy và học; cải thiện điều kiện sống cho các đối tượng khó khăn trong xã hội bao gồm trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ em nghèo, bệnh nhân phong...

nông sản xuất khẩu thô còn chiếm tỷ trọng lớn; công nghiệp chế biến sâu còn hạn chế, tỷ trọng sản phẩm sơ chế còn cao; hoạt động thương mại, dịch vụ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển chưa mạnh.

Công tác thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng; nguồn lực đầu tư phát triển cụm công nghiệp còn nhiều hạn chế; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án quan trọng của tỉnh còn chậm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công một số dự án còn thấp; công tác rà soát, sắp xếp tài sản công tại một số đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ; hoạt động của hợp tác xã còn cầm chừng, hiệu quả chưa cao.

Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; chất lượng giáo dục toàn diện, học lực của học sinh ở vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng yêu cầu; đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường còn hạn chế; việc triển khai các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật tại các tuyến y tế đạt thấp; ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ vào sản xuất, chế biến, nhất là công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trên địa bàn tỉnh còn hạn chế; buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng chưa được xử lý triệt để; kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao.

Tình trạng xây dựng công trình trái phép, tái lấn chiếm vỉa hè, lòng đường một số nơi vẫn còn diễn ra; tội phạm về ma túy chưa được kiềm chế triệt để; tai nạn giao thông còn cao.

3. Nguyên nhân của các hạn chế, yếu kém

3.1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, đại dịch Covid-19 tác động tiêu cực đến hầu hết các ngành, lĩnh vực. Địa bàn rộng và chia cắt, phức tạp, quy mô nền kinh tế nhỏ, thu ngân sách hàng năm còn thấp, phụ thuộc lớn vào thiên nhiên và chịu ảnh hưởng của tình hình biến đổi khí hậu như hạn hán, lũ lụt,...

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh vẫn còn gặp một số khó khăn về thiên tai, dịch bệnh, giá vật tư nông nghiệp tăng cao, điều kiện địa hình phức tạp, hạ tầng giao thông phục vụ vận chuyển nông sản còn hạn chế... có phần làm hạn chế khả năng đầu tư.

Cơ chế chính sách vẫn còn bất cập, nhất là công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chưa tạo được đồng thuận của người dân; một số văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của bộ, ngành Trung ương còn chậm, chưa kịp thời; quy trình, thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của Luật Lâm nghiệp, yêu cầu chuyển đổi còn phức tạp, phải xin nhiều cấp, ý kiến nhiều bộ, ngành, chưa tạo chủ động cho địa phương.

Doanh nghiệp hầu hết có quy mô vừa, nhỏ hoặc siêu nhỏ, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp còn thấp, giá trị gia tăng của sản phẩm chưa cao, chưa tạo được thương hiệu trong chuỗi sản xuất, cung ứng, tiêu thụ; cơ sở hạ

tầng chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối liên vùng, hạ tầng thương mại ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ làm tăng chi phí thương mại đã tác động trực tiếp đến sức cạnh tranh, thu hút đầu tư từ bên ngoài.

Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và đời sống người dân trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn; nhận thức và trình độ tổ chức sản xuất nông nghiệp của một bộ phận dân cư vùng nông thôn còn hạn chế; ảnh hưởng cung cầu thị trường làm cho giá cả một số mặt hàng vật tư nông nghiệp tại một số thời điểm tăng cao ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư, thâm canh, phát triển nông lâm nghiệp; chuyển dịch kinh tế nông hộ, nhỏ lẻ, phân tán lên sản xuất hàng hóa lớn, tập trung còn chậm.

Tình hình an ninh tôn giáo, an ninh trong nông thôn vẫn còn có vụ việc diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch, phản động luôn âm mưu, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, để chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

Người đứng đầu một số sở, ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thật sự quyết liệt, năng động đối với lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách; chất lượng tham mưu một số nội dung công việc có lúc, có nơi chưa kịp thời, chất lượng chưa cao, sự phối hợp chưa nhịp nhàng trong triển khai nhiệm vụ dẫn đến hiệu quả công việc có lúc chưa tốt.

Thu hút đầu tư vào khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn chưa tương xứng với tiềm năng; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng một số dự án quan trọng của tỉnh còn chậm, tỷ lệ giải ngân một số dự án còn thấp; hoạt động của hợp tác xã còn cầm chừng, hiệu quả chưa cao. Công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng, đất đai tại một số địa phương còn thiếu chặt chẽ; kỹ năng nghiệp vụ của một bộ phận cán bộ làm công tác giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo còn hạn chế.

Công tác tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi đã được tổ chức thực hiện tuy nhiên hiệu quả chưa cao; trách nhiệm của một số cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và chủ rừng có lúc, có nơi chưa cao.

Ý thức chấp hành pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, giữ gìn trật tự trị an, phòng cháy chữa cháy, khiếu nại tố cáo... của một bộ phận người dân còn hạn chế.

4. Bài học kinh nghiệm

Nghiên cứu, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ trương, nghị quyết của Đảng vào điều kiện thực tế của địa phương; trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có trọng tâm, trọng điểm, sâu sát, quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực; thường xuyên kiểm tra đôn đốc, kịp thời xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh.

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường, đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị; độc lập, tự chủ với tăng cường đối

ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện công bằng xã hội; phát huy tối đa nội lực gắn với huy động các nguồn lực từ bên ngoài.

Thường xuyên sâu sát cơ sở, gần dân, sát dân, tăng cường đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc, những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Quan tâm chăm lo và nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân.

Chú trọng công tác củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, nhất là công tác cán bộ. Xử lý nghiêm, kịp thời cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm. Đồng hành với doanh nghiệp, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển.

Phần thứ hai **NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP LỚN** **CẦN THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2025**

I. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2025

1. Thuận lợi

Tình hình chính trị, xã hội trong nước duy trì ổn định; quan hệ hợp tác, đối ngoại với các tỉnh của các nước Thái Lan, Lào, Campuchia được mở rộng; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tạo điều kiện cho việc mở rộng thị trường; liên kết phát triển giữa các tỉnh trong khu vực thuận lợi. Chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phát huy hiệu quả. Nhiều chính sách ưu đãi phát triển các vùng miền núi, vùng dân tộc được Trung ương ban hành, đặc biệt là Nghị quyết của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có các nghị quyết chuyên đề để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh như: Nghị quyết về đầu tư, phát triển và chế biến được liệu trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về đầu tư xây dựng và phát triển các vùng kinh tế động lực tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về phát triển du lịch tỉnh Kon Tum đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045... là cơ sở quan trọng để các cấp, các ngành tập trung triển khai thực hiện.

2. Khó khăn

Tình hình chính trị, kinh tế trên thế giới tiếp tục diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường; trong nước áp lực lạm phát đối với nền kinh tế vẫn rất lớn do độ trễ của gói phục hồi và dấu hiệu hạ nhiệt lạm phát ở một số quốc gia chưa bền vững. Rủi ro với doanh nghiệp vẫn gia tăng trong bối cảnh cầu thị trường nước ngoài giảm, dòng tiền giảm sau 02 năm dịch bệnh... diễn biến phức tạp của thời tiết, biến đổi khí hậu đang ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống của Nhân dân.

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, trình độ học vấn, dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số không đồng đều; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn yếu kém, chưa đồng bộ; sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm trên địa bàn tỉnh còn yếu, năng suất lao động thấp; trình độ lao động tuy được đào tạo nhưng chưa đáp ứng yêu cầu vẫn sẽ là những khó khăn, thách thức lớn đối với tỉnh.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2025

Để thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, trong những năm tiếp theo, tỉnh Kon Tum sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (*Nghị quyết số 06-NQ/ĐH ngày 30 tháng 9 năm 2020*), Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng và Hệ thống chính trị năm 2023, Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2023 và các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh; trong đó tập trung chỉ đạo thực hiện, phấn đấu đạt ở mức cao nhất các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua. Tập trung khắc phục những yếu kém, khuyết điểm nêu trên, đồng thời, tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Về lĩnh vực kinh tế

Hoàn thiện, tổ chức triển khai thực hiện có kết quả Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung Khu du lịch Măng Đen đến năm 2040; Quy hoạch chung thị trấn Măng Đen đến năm 2035; Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Kon Tum đến năm 2040... để thực hiện công tác thu hút đầu tư. Tập trung huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để đầu tư kết cấu hạ tầng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, theo dõi, đôn đốc các dự án đã thu hút đầu tư hoàn thành dự án theo tiến độ đã đăng ký. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư và tập trung nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh; thực hiện có hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển kinh tế tăng trưởng cao và bền vững, có cơ cấu hợp lý. Tổ chức thực hiện tốt thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, đồng thời đẩy mạnh phát triển sản xuất để tạo nguồn thu. Tăng tỉ trọng thu nội địa, tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực tài nguyên đất đai, khoáng sản....và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Thúc đẩy tích tụ, tập trung đất đai ở những nơi có điều kiện để hình thành vùng sản xuất lớn phục vụ phát triển nông nghiệp. Mở rộng và phát triển bền vững các loại cây trồng chủ lực như cây ăn quả, Mắc ca, Sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu khác. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi. Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực để phát triển rừng bền vững. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.

Tiếp tục đầu tư, kêu gọi đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư. Chú trọng thu hút đầu tư phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành có lợi thế của địa phương, như: công nghiệp chế biến nông, lâm sản, dược liệu và năng lượng tái tạo.

Đẩy mạnh xuất khẩu, đồng thời nâng cao chất lượng xuất khẩu, mở rộng thị trường tiêu thụ; chú trọng phát triển hệ thống siêu thị, chợ, trung tâm thương mại ở vùng thuận lợi, hỗ trợ khuyến khích đầu tư chợ, cửa hàng ở vùng khó khăn, hình thành hệ thống phân phối, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ đến vùng sâu, vùng xa nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa và dịch vụ của Nhân dân, nhất là vùng nông thôn. Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thông tin, tư vấn, chăm sóc sức khỏe, giải trí... đáp ứng nhu cầu của Nhân dân.

Nâng cao chất lượng thu hút đầu tư phát triển hạ tầng du lịch, gắn với quản lý và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, khám phá, du lịch văn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Tăng cường quảng bá, xây dựng Khu du lịch sinh thái Quốc gia Măng Đen thành khu du lịch tâm cố quốc gia và khu vực. Hình thành các tour du lịch cộng đồng tại các huyện Tu Mơ Rông, Đăk Glei, Kon Plông, Ngọc Hồi, Sa Thầy gắn với tour du lịch chinh phục núi Ngọc Linh, Cột mốc biên giới 3 nước Việt Nam-Lào-Campuchia, Vườn Quốc gia Chư Mom Ray.

Huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là giao thông, thủy lợi... tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư để tập trung đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đặc biệt đối với các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế. Lồng ghép các nguồn lực để tập trung xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Chú trọng phát triển các loại hình kinh tế tập thể, hợp tác xã phù hợp với khả năng,

điều kiện của từng địa phương; củng cố, kiện toàn bộ máy, nhân sự quản lý các hợp tác xã hoạt động kém hiệu quả, kiên quyết giải thể các hợp tác xã hoạt động hình thức. Duy trì và nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX). Tạo lập môi trường bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển.

2. Văn hóa - xã hội

Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Tiếp tục rà soát, huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường thiết bị dạy học đảm bảo chuẩn hóa, đồng bộ; trong đó, thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá, thu hút các nguồn lực đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo, chú trọng phát triển trường dân lập, tư thục chất lượng cao. Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

Củng cố hệ thống cảnh báo dịch, đẩy mạnh các hoạt động giám sát để phát hiện sớm các bệnh dịch mới phát sinh, tổ chức dập dịch kịp thời; triển khai tổ chức tốt hoạt động của chương trình tiêm chủng, đặc biệt đối với các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện, triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng bệnh viện, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

Đổi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo lao động theo hướng tăng nội dung thực hành, gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường và xuất khẩu lao động. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề đáp ứng cho yêu cầu phát triển.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát huy các tuyến, điểm du lịch. Triển khai thực hiện công tác đầu tư, tôn tạo, phục dựng di tích lịch sử. Khẩn trương triển khai đầu tư Dự án Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng khu Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum; lập Dự án tôn tạo, phục dựng Di tích lịch sử Chiến thắng Kon Braih... Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030 và Cuộc vận động “Toàn dân tập luyện thể dục thể thao nâng cao sức khỏe, phát triển tâm vóc, thể lực, phòng, chống bệnh tật” giai đoạn 2020-2025.

Thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững; triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; quan tâm chăm lo đời sống cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, người cao tuổi, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, người khuyết tật. Thực hiện tốt phong trào đền ơn, đáp nghĩa và hỗ trợ những người có hoàn cảnh khó khăn. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở đối với dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

Rà soát, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ khoa học, công nghệ tỉnh; hình thành một số trung tâm nghiên cứu chuyên sâu về dược liệu và các sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiếp tục triển khai Chương trình chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin, ứng phó kịp thời trước các nguy cơ tấn công từ bên ngoài qua mạng Internet. Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, năng lực sản xuất, phát sóng, chất lượng các chương trình phát thanh truyền hình.

3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Ngăn chặn hiệu quả việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo tác động môi trường. Không tham mưu cấp phép các dự án tiêu tốn nhiều năng lượng, khai thác khoáng sản không gắn với chế biến sâu, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ cao về gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật về môi trường để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải tập trung các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và hệ thống bãi chôn lấp, xử lý chất thải rắn.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai, kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và cách thức phòng chống thiên tai cho người dân để giảm nhẹ rủi ro, thiệt hại khi có thiên tai xảy ra. Rà soát, xây dựng và củng cố lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã tại các khu vực trọng điểm; quán triệt, triển khai công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm “Bốn tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện và kinh phí tại chỗ; hậu cần tại chỗ); xây dựng Kế hoạch, Phương án Phòng, chống thiên tai, nhất là các phương án phòng chống bão, lũ quét, sạt lở đất tại các vị trí ven sông, suối..., phương án di dời dân đến nơi an toàn, không để bị động, bất ngờ, kể cả trong các tình huống thiên tai bất lợi.

4. Về công tác nội vụ; quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Tăng cường thanh tra trách nhiệm về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, trong đó tập trung thanh tra các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng. Công khai, minh bạch và thực hiện kiên quyết, đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng.

Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ và sắp xếp tinh gọn cơ cấu tổ chức bộ máy. Tăng cường rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan tới doanh nghiệp, người dân. Thực hiện tốt công tác tư pháp và cải cách tư pháp. Nâng cao hiệu quả trong việc tiếp công dân, giải quyết

đơn thư khiếu nại, tố cáo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân đảm bảo về trình độ, năng lực, có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Kịp thời phát hiện và xử lý có hiệu quả những vấn đề liên quan đến an ninh - chính trị. Chủ động đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn, lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động; không để xảy ra biểu tình, vượt biên, trốn đi nước ngoài trái phép, nhen nhóm hình thành tổ chức phản động. Thực hiện có hiệu quả công tác phòng ngừa, chủ động tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Chủ động phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tài nguyên, tệ nạn xã hội, trật tự an toàn giao thông.

Tiếp tục củng cố và phát triển có chiều sâu các mối quan hệ hợp tác đã được thiết lập; triển khai có hiệu quả các hoạt động hội nhập quốc tế, trong đó củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các tỉnh giáp biên của Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Phối hợp chặt chẽ với các tỉnh giáp biên của Lào và Campuchia để đề nghị Chính phủ ba nước xem xét, sớm mở các cửa khẩu ở những nơi có đủ điều kiện và nâng cấp một số cặp cửa khẩu lên cửa khẩu chính. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác đã ký kết với một số địa phương của nước ngoài. Quản lý chặt chẽ đoàn ra, đoàn vào, các dự án phi Chính phủ nước ngoài đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, tổng hợp./. 

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH_{VT}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn